

Bài 2. 选择恰当的宾语。(chọn tân ngữ thích hợp cho động từ)

(1)



学习:

- A. 水果
- B. 英语
- C. 常常
- D. 照片

(2)



住:

- A. 宿舍
- B. 参观
- C. 旅行
- D. 大夫

(3)



吃:

- A. 衣服
- B. 米饭
- C. 北京
- D. 生词

(4)



designed by freepik.com

喝:

- A. 水
- B. 顺便
- C. 电影
- D. 游泳

(5)



买:

- A. 自行车
- B. 音乐
- C. 外国
- D. 上网

